

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG, TỈNH PHÚ THỌ

Lưu Thị Như Quỳnh⁽¹⁾

Tóm tắt:

Bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường được sử dụng trong lĩnh vực TĐTT, chúng tôi đã tiến hành khảo sát thực trạng nội dung, kết quả môn học Giáo dục thể chất (GDTC) và hoạt động thể thao ngoại khóa của sinh viên (SV) Trường Đại học Hùng Vương. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng công tác GDTC của Trường Đại học Hùng Vương.

Từ khóa: Công tác GDTC, Đại học Hùng Vương.

Current status of Physical Education work at Hung Vuong University, Phu Tho province

Summary:

Through regular scientific research methods, we have surveyed the current situation of subject content and student's learning results in Physical Education subject and extracurricular sports activities at Hung Vuong University. The research results are the basis for providing solutions to improve the quality of Physical Education subject at Hung Vuong University.

Keywords: Current situation, Physical Education, students, Hung Vuong University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, công tác GDTC ở Trường Đại học Hùng Vương, tỉnh Phú Thọ đã được quan tâm và đã tạo ra được sức hút rất lớn trong phong trào rèn luyện thân thể của SV. Song còn nhiều SV coi môn GDTC như một rào cản khó có thể vượt qua. Nguyên nhân chính là chưa xây dựng được chương trình môn học đáp ứng nhu cầu của sinh viên. Vì vậy chúng tôi xác định việc nghiên cứu thực trạng công tác GDTC cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương là vấn đề mang tính cấp thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp: Phân tích và tổng hợp tài liệu; Phỏng vấn; Kiểm tra sự phạm; Thực nghiệm sự phạm; Toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng kết quả học môn GDTC của sinh viên

Để đánh giá thực trạng kết quả học môn GDTC của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương, chúng tôi đã sử dụng kết quả học tập của một số lớp ở các khóa trong 3 năm học gần

nhất để so sánh. Kết quả tổng hợp điểm ở môn GDTC của sinh viên khóa đại học năm 2016 (204 sinh viên), năm 2017 (221 sinh viên) và năm 2018 (216 sinh viên). Kết quả trình bày tại bảng 1.

Kết quả bảng 1 cho thấy: Kết quả kiểm định Khi bình phương giữa ba khóa là 1.888 với $P = 0.984 > 0.05$. Như vậy, kết quả học tập môn GDTC tại Trường Đại học Hùng Vương giữa các năm 2016 đến 2018 không có sự khác biệt. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên có mức xếp loại yếu chiếm tỷ lệ cao, với 21.37%. Đồng thời khi kiểm định số lượng sinh viên đạt mức trung bình là 437, so sánh với tổng số 641 sinh viên thì chiếm đa số tới 68.17%. Như vậy, tỷ lệ sinh viên có kết quả học tập môn GDTC ở mức trung bình còn quá lớn. Do vậy, đây là cơ sở quan trọng để đưa ra những giải pháp, biện pháp nhằm nâng cao kết quả học tập môn GDTC cho sinh viên nhà trường.

2. Thực trạng đội ngũ giảng viên giảng dạy GDTC của Trường Đại học Hùng Vương

Tính đến năm học 2016-2017, tổng số giảng viên tham gia giảng dạy môn GDTC cho SV

⁽¹⁾TS, Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội; Email: luuthinhquynh0209@gmail.com

Bảng 1. Kết quả học tập môn GDTC của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương

Xếp loại	2016		2017		2018		Tổng		
	n	%	n	%	n	%	n	%	
Xuất sắc	3	1.47	4	1.81	6	2.78	13	2.03	
Giỏi	5	2.45	6	2.71	7	3.24	18	2.81	
Khá	12	5.88	12	5.43	12	5.56	36	5.62	
Trung bình	143	70.1	152	68.78	142	65.74	437	68.17	
Yếu	41	20.1	47	21.27	49	22.69	137	21.37	
Tổng	204		221		216		641		
χ^2	1.888, Bậc tự do = 8, P = 0.984 > 0.05								

Trường Đại học Hùng Vương là 16 người, trong đó có 13 thạc sĩ (chiếm tỉ lệ 81.25%), 03 cử nhân (chiếm tỉ lệ 18.75%). Với định hướng của Trường Đại học Hùng Vương là cơ sở đào tạo ứng dụng thì tỷ lệ tiến sĩ phải đạt 25%. Tuy nhiên, tại thời điểm năm học 2016-2017 thì giảng viên GDTC chủ yếu có trình độ thạc sĩ với 13/16 người chiếm tỷ lệ 81.25% và chưa có giảng viên đạt trình độ tiến sĩ. Thực trạng này sẽ có ảnh hưởng to lớn đến nâng cao chất lượng đào tạo nói chung và xây dựng chương trình môn GDTC nói riêng.

Khi xem xét dưới góc độ chuyên ngành đào tạo của giảng viên cho thấy có thể phân nhóm như sau: Bơi lội, Bóng ném, Cầu lông, Bóng chuyền, quản lý chiếm tỷ lệ từ 6.25%; Bóng bàn, GDTC chiếm 12.50%; và nhóm lớn nhất gồm Điền kinh, Thể dục chiếm từ 18.75 – 25.00%. So sánh với chương trình môn học GDTC cho thấy cơ bản có sự phù hợp. Tuy nhiên, số lượng giảng viên so với số tín chỉ đào tạo có sự mất cân bằng và cần được xem xét cụ thể.

Tỷ lệ giảng viên/sinh viên ở mức 1/600 còn

cao so với mục tiêu đặt ra trong Luật giáo dục và Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 (Đạt 01/500 vào năm 2015, đạt 01/400 vào năm 2020 và đạt 01/300 vào năm 2030). Như vậy, đây sẽ là những thách thức to lớn khi tổ chức giảng dạy các môn GDTC đòi hỏi chất lượng cao (tăng tỷ lệ giảng viên/sinh viên và giảm biên chế sinh viên trong lớp theo các môn thể thao cụ thể).

Khi so sánh đội ngũ giảng viên với số tín chỉ ở các nội dung trong môn GDTC đã thu được kết quả như trình bày ở bảng 2.

Từ kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy: Nếu mức chênh lệch thu được là (+) thì ở môn học đó có sự dư thừa giảng viên hoặc (-) là thiếu giảng viên. Như vậy là ở môn bắt buộc (có môn Điền kinh và Thể dục) là thừa giảng viên, chiếm tỷ lệ 18.75%; Nội dung môn tự chọn là thiếu giảng viên, chiếm 18.75%. Do vậy, cần có những điều chỉnh phù hợp với mục tiêu đào tạo như: cơ cấu đội ngũ giảng viên GDTC, nâng cao chất lượng chương trình môn học GDTC, phát huy điểm mạnh về độ tuổi giảng viên, từng bước

Bảng 2. So sánh thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC với số tín chỉ các môn trong chương trình môn học GDTC

TT	Môn học	Tín chỉ		Giảng viên		Tỷ lệ chênh lệch
		Bắt buộc	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Bắt buộc (Điền kinh, Thể dục)	1	25	7	43.75	18.75
2	Tự chọn	3	75	9	56.25	-18.75
	Tổng số	4	100	16	100	

BÀI BÁO KHOA HỌC

giảm tỷ lệ giảng viên/sinh viên dưới góc độ chuyên môn thể thao...

3. Thực trạng công trình TDDT phục vụ giảng dạy môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương

Thống kê công trình thể thao của Trường Đại học Hùng Vương cho thấy: công trình phục vụ hoạt động dạy học của Trường Đại học Hùng Vương mới chỉ đáp ứng được cho các môn Cầu

lông, Bóng chuyền, Bóng đá. Chính điều này đã làm hạn chế rất nhiều việc giảng dạy và học tập của sinh viên và làm cho chất lượng giảng dạy và học tập của sinh viên không được nâng cao.

4. Thực trạng chương trình môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương

Chương trình môn học GDTC của Trường Đại học Hùng Vương được khái quát ở bảng 3.

Tuy nhiên, chương trình ngoại khóa của nhà

Bảng 3. Chương trình môn học GDTC cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương

TT	Nội dung	Số tín chỉ	Dạy trực tiếp (tiết)			Tự học (tiết)
			Thực hành	Kiểm tra	Tổng	
1	Bắt buộc (Đội hình đội ngũ; Bài thể dục tay không liên hoàn 80 nhịp; Chạy cự ly ngắn, trung bình.	1	28	2	30	15 ^(*)
2	Tự chọn (Chọn 1 trong 7 môn) Aerobic, Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng đá, Cầu lông, Khiêu vũ thể thao, Taekwondo	3	84	6	90	45 ^(*)
3	Ngoại khóa	-	-	-	-	-
	Tổng	4	112	8	120	60 ^(*)

(*) Giờ do sinh viên tự học, không có giáo viên hướng dẫn = 60 phút/tiết và chưa có chương trình thể thao ngoại khóa được xây dựng

trường vẫn chưa có. Vì vậy, SV gặp rất nhiều khó khăn để tự học môn GDTC. Có thể thấy, với đặc thù của môn GDTC, để giờ tự học của SV có hiệu quả thì Nhà trường nên tổ chức, hỗ trợ dưới dạng hoạt động tập luyện ngoại khóa như: Xây dựng chương trình tập luyện thể thao ngoại khóa cho từng môn thể thao tự chọn; Phân công giảng viên hướng dẫn cho sinh viên tập luyện thể thao ngoại khóa. Từ những phân tích cho thấy, để nâng cao chất lượng học tập môn GDTC thì việc lựa chọn môn thể thao tự chọn và xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa là hết sức cấp thiết.

Từ kết quả thu được ở bảng 3 cho thấy: chương trình môn học GDTC của Trường Đại học Hùng Vương gồm 4 tín chỉ, mỗi tín chỉ 30 tiết, trong đó có 112 tiết thực hành và 8 tiết kiểm tra. Tổng cộng gồm 120 tiết. Các nội dung chính trong chương trình môn học GDTC gồm học

phần: Bắt buộc với 1 tín chỉ và học phần tự chọn với 3 tín chỉ. Các môn tự chọn gồm: Aerobic, Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng đá, Cầu lông, Khiêu vũ thể thao, Taekwondo. Như vậy, chương trình môn học GDTC của Trường Đại học Hùng Vương về cơ bản đã đáp ứng được quy định của Bộ GD-ĐT. Tuy nhiên, còn tồn tại một số điểm cần tiếp tục được đổi mới.

Chương trình môn học GDTC đã tồn tại trong một thời gian quá dài song chưa có những thay đổi để nâng cao hiệu quả học tập của các môn thể thao, đặc biệt là đối với môn thể thao tự chọn. Để đáp ứng Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT (Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại

học, thạc sĩ, tiến sĩ) thì 3 tín chỉ tự chọn cần 45 giờ tự học, mỗi giờ tự học là 60 phút/tiết. Với các môn học lý thuyết thì giờ tự học được sinh viên tự thực hiện, nhưng với giờ tự học môn GDTC thì việc tự học sẽ khó khăn hơn do hạn chế về điều kiện cơ sở vật chất, nhiều nội dung phải tạo thành nhóm tập luyện và có GV hướng dẫn là tốt nhất.

5. Thực trạng thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương

Việc đánh giá thực trạng thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương, chúng tôi tiến hành phỏng vấn hành động học tập và tập luyện ngoại khóa của 186 sinh viên. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 4.

Bảng 4. Hành động học tập và tập luyện ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương (n = 186)

TT	Câu hỏi	Tỷ lệ %			\bar{x}	δ
		Thấp	Trung lập	Cao		
1	Tự đề ra kế hoạch tập luyện	75.81	14.52	9.68	2.12	0.97
2	Tích cực tập luyện ngoại khóa	19.35	11.29	69.35	3.62	1.15
3	Nỗ lực cao trong giờ tập luyện	91.4	2.15	6.45	1.40	0.97
4	Tích cực rèn luyện khi học động tác mới	91.4	3.76	4.84	1.31	0.8
5	Tích cực trau dồi kỹ năng	81.72	9.68	8.6	1.88	1.02
6	Tự tin khi tham gia thi đấu	78.49	5.38	16.13	2.02	1.23
7	Chủ động hệ thống lại kiến thức và kỹ năng	10.75	9.14	80.11	4.37	1.14
8	Ôn lại trước giờ tập luyện	47.31	8.6	44.09	3.16	1.4
9	Đảm bảo trang phục tập luyện	24.19	15.59	60.22	3.32	1.03
10	Luôn vận dụng các kỹ năng vào cuộc sống	23.66	34.95	41.4	3.47	1.2
11	Tìm hiểu về môn thể thao tự chọn	5.38	4.3	90.32	4.43	0.94
12	Trao đổi với mọi người về môn tự chọn	3.76	2.69	93.55	4.58	0.81
13	Tham khảo các hình thức tập luyện	20.97	37.63	41.4	3.47	1.14
14	Chăm chú quan sát các động tác thị phạm	25.27	24.19	50.54	3.53	1.42
15	Tích cực tập luyện bổ trợ	93.55	1.61	4.84	1.28	0.77

Qua bảng 4 cho thấy:

Hành động học tập và tập luyện ngoại khóa của sinh viên có 6/15 câu hỏi có điểm trung bình từ 3.41 điểm trở lên tương đương với mức đồng ý, còn lại 9/15 câu hỏi ở mức thấp, đều dưới 3.41 điểm. Nhiều câu hỏi có tỷ lệ đánh giá còn ở mức thấp. Như vậy, sinh viên nhận thức được ý nghĩa của tập luyện ngoại khóa và có thái độ tốt với tập luyện thể thao ngoại khóa, song biểu

hiện thành hành động học tập và tập luyện ngoại khóa chưa tương xứng với nhận thức và thái độ. Trong giờ học môn GDTC cũng như tập luyện thể thao ngoại khóa.

Nhận xét: Đa số sinh viên nhận thức tốt ý nghĩa của tập luyện ngoại khóa, đây là một trong những yếu tố để hình thành nên tính tích cực học tập môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương.



Tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa tại các trường học là biện pháp quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong trường học các cấp

KẾT LUẬN

Phân tích thực trạng công tác GDTC cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương cho thấy: Kết quả học tập của sinh viên chủ yếu mới ở mức độ trung bình là chính, tỷ lệ khá và giỏi thấp, vẫn còn sinh viên có kết quả môn học chưa đạt.

Về các yếu tố ảnh hưởng tới công tác GDTC của sinh viên: Số lượng giảng viên môn học GDTC còn thiếu ở nội dung tự chọn, chương trình môn học GDTC nội khóa đáp ứng yêu cầu của Bộ GD và ĐT nhưng chưa có chương trình GDTC ngoại khóa; sinh viên có ý thức tốt với việc tập luyện TDTT ngoại khóa. Đây là điểm thuận lợi trong phát triển GDTC tại Trường..

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy định tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa cho học sinh, sinh viên*, Nxb TDTT, Hà Nội, Quyết định số 72/2008/QĐ – BGDĐT ngày 23/12/2018, 2008.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Thông tư quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ Đại học*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội, Thông tư số 25/2015/TT – BGDĐT ngày 14/10/2015.

3. Nguyễn Đức Văn (2000), *Phương pháp thống kê trong TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.

(Bài nộp ngày 11/9/2023, Phản biện ngày 10/11/2023, duyệt in ngày 30/11/2023)